Ký bởi: Sở Khoa học và Công nghệ
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 10/04/2024 16:24:06

UBND TỈNH TUYÊN QUANG **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-SKHCN	*Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2024*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15//5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công ngh;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc công bố kết quả hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành kỳ hệ thống hoá 2019-2023,

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo, đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. TÊN VĂN BẢN: Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

1.1. Hiện nay, 13/14 văn bản pháp lý là căn cứ ban hành Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã hết hiệu lực

(Luật Khoa học và công nghệ ngày 09/6/2000; Luật Đầu tư ngày 29/11/2005; Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005; Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009; Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29/11/2006; Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 về một số chính sách và cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ; Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/ 9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;...) đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung bởi các văn bản quy phạm pháp luật mới, nên một số nội dung, quy định hỗ trợ trong Nghị quyết không còn phù hợp.

Một số nội dung hỗ trợ như đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã được quy định hỗ trợ tại một số chính sách của tỉnh và Trung ương (*Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thuỷ sản hàng hoá; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025*; *Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;...).*

1.2. Trong thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật cũng như các chiến lược, chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực khoa học công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2021-2030. Vì vậy, để cập nhật đầy đủ các nội dung, định mức hỗ trợ phù hợp theo quy định tại các luật, nghị định, thông tư của Trung ương và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn về phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để vận dụng xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

Về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến chính sách, cụ thể:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sưa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

- Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/ 2018.

- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017.

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15//5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

- Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

1.3. Tại khoản 1 Điều 76 Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, có quy định *trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ.*

Tương tự, Điều 56 Luật Chuyển giao công nghệ có nêu *trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương.*

- Theo khoản 2, Điều 9 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP: *Đối với nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của địa phương, thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ được thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương.*

Theo quy định tại khoản 4, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định "*Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương".*

Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định: *"...trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này".*

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là đầy đủ về cơ sở pháp lý.

2. Căn cứ thực tiễn

Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 12/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 31). Qua 10 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết đã thực sự đi vào cuộc sống, thực hiện đảm bảo đúng quy định và đã hỗ trợ một số doanh nghiệp, doanh nhân, cá nhân thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh; đồng thời, nâng cao nhân thức của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh[1], cụ thể như:

---

[1] Giai đoạn 2015 - 2023, tổng cộng số lượt tổ chức, cá nhân được hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND là: 27 doanh nghiệp, cá nhân với tổng kinh phí đã hỗ trợ là 5.382 triệu đồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; đổi mới công nghệ, đã giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dựa trên ứng dụng, chuyển giao công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, đổi mới công nghệ để phát triển bền vững.

- Hoạt động hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu đã tạo động lực thúc đẩy các tổ chức, danh nghiệp, cá nhân đăng ký, xác lập nhãn hiệu hàng hoá, góp phần phát triển thương hiệu các sản phẩm; đồng thời, tăng cường quảng bá hình ảnh, sản phẩm trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại, hàng hóa, dịch vụ giúp tăng vị thế, khả năng cạnh tranh hàng hoá trên thị trường trong và ngoài nước.

- Hoạt động hỗ trợ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (hỗ trợ xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy,...) giúp cho doanh nghiệp tiếp cận được hệ thống quản lý chất lượng tiến tiến góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện,

Một số nội dung của Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, như: Khoản 1, Điều 1 quy định về đối tượng áp dụng là cá nhân "có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Tuyên Quang" không còn phù hợp với Luật Cư trú năm 2020; khoản 2, Điều 1 quy định các nội dung hỗ trợ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ không còn phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 và Quyết định số 2205/QĐ-TTg. Điểm 2.5, khoản 2 Điều 1 viện dẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 119/1999/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/12/2022 (do được bãi bỏ tại Nghị định số 110/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ).

Một số nội dung hỗ trợ như đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã được quy định hỗ trợ tại một số chính sách của tỉnh và Trung ương nên không quy định lại.

Bên canh đó, Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về điều kiện, thủ tục, trình tự thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Sau đây viết tắt là Quyết định số 01) không còn phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: *"Những hành vi bị nghiêm cấm: ...4. Quy định thủ tục hành chính trong..., quyết định của Ủy ban nhân dân..., trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này*".

Theo Phụ lục số 4 kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành kỳ hệ thống hoá 2019-2023, Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND kiến nghị xử lý là **thay thế** và Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND là **bãi bỏ.**

Do vậy, việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND là cần thiết, vừa đảm bảo tính pháp lý, vừa nhằm hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân kịp thời, hiệu quả hơn.

Định mức lập dự toán hỗ trợ trên cơ sở đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách Trung ương giao hằng năm. Đồng thời, trên cơ sở tham khảo định mức chi đối với hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ của một số tỉnh như Nam Định, Cao Bằng, Quảng Ninh,…

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích

Ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phù hợp với các quy định của Trung ương đã ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Khoa học và công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Chuyển giao công nghệ; các văn bản hướng dẫn Luật và các quy định hiện hành.

Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với các quan điểm, định hướng của Đảng, chính sách pháp luật hiện hành của Nhà nước và điều kiện của tỉnh trong việc thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm; phát triển thị trường khoa học và công nghệ,…, nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng liên quan đến hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới công nghệ địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

1. Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh

nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

V. MỤC TIÊU, CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

1.1. Mục tiêu của chính sách

Kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật giúp các doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ. Kịp thời đưa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được ứng dụng nhanh hơn, hiệu quả hơn trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; hướng mạnh việc gắn nhiệm vụ khoa học và công nghệ với sản phẩm đầu ra, với thực tiễn và thị trường.

1.2. Nội dung chính sách

Hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (tối đa không quá 500 triệu đồng/đề tài, dự án/doanh nghiệp).

1.3. Giải pháp thực hiện

a) Doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến đến Sở Khoa học và Công nghệ qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01);

- Thuyết minh đề tài (Mẫu số 02); thuyết minh dự án (Mẫu số 03);

- Bản sao chứng thực *(đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích)* hoặc bản photo kèm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đối chiếu *(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)*.

- Bản sao chứng thực Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Sở Khoa học và Công nghệ phải công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời chính sách, đơn vị đầu mối, thủ tục hành chính theo quy định.

b. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp và tổ chức họp xét duyệt. Căn cứ kết quả họp xét của Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh quyết định nội dung và mức hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp.

2. Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ

2.1. Mục tiêu của chính sách

Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả cơ chế sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2.2. Nội dung của chính sách

Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cải tiến, thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ, dây chuyền, máy móc, thiết bị đang sử dụng bằng một phần hoặc toàn bộ công nghệ, dây chuyền, máy móc, thiết bị khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Hỗ trợ thông qua hợp đồng *(giá trị trên 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 15 %, tối đa không quá 700 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị trên 2 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 20%, tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 300 triệu đồng đến 2 tỷ đồng hỗ trợ đến 25%, tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp)*.

2.3. Giải pháp thực hiện

a) Doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến đến Sở Khoa học và Công nghệ qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01);

- Thuyết minh về đầu tư đổi mới công nghệ;

- Hợp đồng chuyển giao, mua bán máy móc, thiết bị chuyển giao công nghệ và hoá đơn kèm theo;

- Bản sao chứng thực bản sao chứng thực *(đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích)* hoặc bản photo kèm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đối chiếu *(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)*.

- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký thuế; chứng từ liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế, nộp ngân sách nhà nước của năm trước năm liền kề với năm đề nghị hỗ trợ;

- Bản sao chứng thực Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Bản sao chứng thực Giấy phép chuyển giao công nghệ (đối với các công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao).

Sở Khoa học và Công nghệ phải công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời chính sách, đơn vị đầu mối, thủ tục hành chính theo quy định.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp và tổ chức họp xét duyệt. Căn cứ kết quả họp xét của Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh quyết định nội dung và mức hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp. Nội dung họp xét của Hội đồng được lập thành biên bản.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn kinh phí thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua

1.1. Nguồn kinh phí thực hiện, bao gồm:

- Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ nhà nước cấp hàng năm.

- Kinh phí từ các doanh nghiệp.

1.2. Lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán

Việc xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách được thực hiện cùng kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách hằng năm; trình tự xây dựng kế hoạch, lập và giao dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hàng năm, căn cứ vào số lượng đối tượng thực tế được hỗ trợ của năm trước, mức hỗ trợ và khả năng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh xem xét quyết định phê duyệt.

Doanh nghiệp được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành. Việc quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết.

2.2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

VI. CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VÀ DỰ KIẾN THỜI GIAN BAN HÀNH

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh: Tháng 10/2024.

3. Dự kiến thời gian trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua: Tháng 12/2024.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo các đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết; (2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý; (3) Đề

cương dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (4) Ý kiến thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Sở Tư pháp; (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp)

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (đề nghị);
- Sở Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư; (phối hợp)
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vi thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCN&TĐC(ĐTh).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đại Thành